

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN Ô  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HSST  
Ngày: 29-8-2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Võ Thị Thúy Đoan

2/ Ông Hồ Minh Khương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Bảo Trân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 44/2022/TLST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn U**, sinh năm 1982. Nơi sinh: Cần Thơ.

Nơi đăng ký thường trú: Khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn (văn hóa): không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1940 (chết) và bà Võ Thị T, sinh năm 1941 (chết); Anh chị em ruột có 05 người, lớn nhất sinh năm 1963, nhỏ nhất sinh năm 1974; Vợ: Nguyễn Thị Hồng N; sinh năm 1984; Con: có 01 người, sinh năm 2005.

Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Anh **Lê Trí N**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 12/13B, khu vực 7, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ. (Có đơn xin vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1) Anh **Đoàn Văn N**, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khu vực B, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (Có đơn xin vắng mặt)

2) Chị **Trần Thị Kim T**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Khu vực B, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn U và chị Trần Thị Kim T sống chung như vợ chồng tại quán cà phê Hoa Cau thuộc khu vực B, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ, sau đó giữa U và chị T phát sinh mâu thuẫn nên U dọn ra ngoài sống. Đến khoảng 07 giờ ngày 03/02/2022, U biết được chị T và anh Lê Trí N đi Châu Đốc - An Giang không có ở quán cà phê Hoa Cau nên U điều khiển xe mô tô biển số 93L1-240.11 đến quán cà phê của chị T. Lúc này U thấy cửa quán khóa và không có ai ở trong quán và phát hiện có chiếc xe mô tô biển số 65P3-2448 của anh N đang đậu bên hông cặp phòng ngủ, U nảy sinh ý định lấy xe mô tô của anh N. Do U có sẵn chìa khóa của quán nên mở cửa đi vào, thấy xe mô tô có khóa cổ, U lượm một chìa khóa phía trước quán mở khóa xe rồi dẫn xe ra bên ngoài, khóa cửa quán lại, sau đó đem xe ra tiệm cầm đồ Ngọc Nguyên của anh Đoàn Văn N cầm xe được số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) rồi U đi về nhà trọ. Đến chiều cùng ngày, chị T về quán cà phê phát hiện bị mất trộm nên trình báo công an phường P.

Căn cứ kết luận định giá số 18/KL-HĐĐGTS ngày 28/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân quận Ô kết luận: 01 (Một) xe mô tô biển số 65P3- 2448, màu xanh, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, dung tích xi lanh 97cm<sup>3</sup>, số khung 09083Y542160, số máy HC09E0542314 đã qua sử dụng giá trị còn lại của tài sản vào thời điểm xảy ra trộm cắp tài sản là 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm ngàn đồng).

Qua làm việc chị Trần Thị Kim T trình bày: Chị bị mất trộm 01 cặp bông tai vàng 18K có đính đá màu trắng trọng lượng 0,5 chỉ; 01 cặp bông tai vàng

18K có khóa móc đính trái châu màu trắng có hột đá màu trắng trọng lượng 1,7 chỉ; 01 nhẫn vàng 18K có đính hột đá màu xanh xung quanh đính hột màu trắng nhỏ trọng lượng 1,5 chỉ; 01 vòng vàng 18K trọng lượng 1,2 chỉ loại vàng trơn; tiền mặt ngân hàng nhà nước Việt Nam khoảng hơn 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) để trong tủ quần áo bằng nhựa.

Tuy nhiên, đối với vàng và tiền của chị Trần Thị Kim T khai bị mất trộm, nhưng chị không cung cấp được nguồn gốc, hóa đơn chứng từ và Nguyễn Văn U không thừa nhận có lấy trộm tiền và vàng của chị, Cơ quan điều tra không thu hồi được nên chưa đủ cơ sở để xử lý.

Đối với bà Lê Thị Đ và Trần Văn T không có căn cứ xác định biết việc U lấy trộm xe của N, nên không đủ cơ sở để xử lý.

Vật chứng thu giữ: 01 (Một) chiếc xe mô tô biển số 6SP3- 2448, màu xanh, số khung nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, dung tích xi lanh 97cm<sup>3</sup>, số khung 09083Y542160, số máy HC09E0542314 đã qua sử dụng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho Lê Trí N là chủ sở hữu. Còn tạm giữ: Tiền Việt Nam 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Lê Trí N đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu gì thêm, chị Trần Thị Kim T không yêu cầu Nguyễn Văn U phải bồi thường vàng và tiền bị mất trộm.

Tại Cáo trạng số 43/CT-VKSOM ngày 09/8/2022 Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ để xét xử Nguyễn Văn U về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sơ thẩm trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng. Qua đó, có phân tích về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo mức án tù 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị: Tịch thu sung công quỹ nhà nước: Tiền Việt Nam 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

+ Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Bị cáo thừa nhận hành toàn bộ hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Ô, điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; của Viện kiểm sát nhân dân Quận Ô, Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội: Lời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa; lời khai của bị cáo thể hiện tại các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can; Biên bản ghi lời khai của người bị hại, người liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận:

Do biết chị Trần Thị Kim T và anh Lê Trí N đi Châu Đốc - An Giang không có ở quán cà phê Hoa Cau nên bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 93L1-240.11 đến quán cà phê của chị T. Bị cáo thấy cửa quán khóa, không có ai ở trong quán và phát hiện có xe mô tô biển số 65P3-2448 của anh N nên nảy sinh ý định lấy trộm. Bị cáo lợi dụng khi không có ai ở trong quán và có sẵn chìa khóa của quán nên mở cửa đi vào, thấy xe mô tô có khóa cổ, bị cáo lượm một chìa khóa phía trước quán mở khóa xe rồi dẫn xe ra bên ngoài, khóa cửa quán lại, sau đó đem xe ra tiệm cầm đồ Ngọc Nguyên của anh Đoàn Văn N cầm xe được số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) rồi về nhà trọ.

Hành vi bị cáo lấy trộm 01 (một) xe mô tô biển số 65P3-2448 đã qua sử dụng, giá trị còn lại của tài sản vào thời điểm xảy ra trộm cắp tài sản vào ngày 03/02/2022 là 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm ngàn đồng) đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Ô truy tố bị cáo theo tội danh và điều

luật nêu trên là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Bị cáo cho rằng lấy trộm xe mô tô biển số 6SP3-2448 của Lê Trí Nhân là do không muốn anh Nhân qua lại tình cảm với chị T và muốn lấy tiền cầm xe tiêu xài nhưng chưa tiêu xài thì bị phát hiện. Quá trình điều tra, có nhiều lời khai khác nhau về động cơ phạm tội của bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét tổng thể tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo là người đã trưởng thành, có đủ khả năng nhận thức hành vi, bị cáo biết rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo chỉ vì mục đích cá nhân, vì tham lam và muốn phục vụ nhu cầu cá nhân nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Do đó, để có tác dụng giáo dục răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, giúp đỡ bị cáo sửa chữa hành vi sai trái của mình, sống đặt mình trong khuôn khổ pháp luật.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa thể hiện bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo là người có trình độ văn hóa thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết này để cân nhắc hình phạt đối với bị cáo khi lượng hình nhằm thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Để tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo khi chấp hành án nên không phạt bổ sung đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[7] Về vật chứng của vụ án: Theo đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa nêu trên là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với vàng và tiền của chị Trần Thị Kim T khai bị mất trộm, nhưng chị không cung cấp được nguồn gốc, hóa đơn chứng từ và bị cáo không thừa nhận có lấy trộm tiền và vàng của chị, Cơ quan cảnh sát điều tra không thu hồi được nên chưa đủ cơ sở để xử lý. Kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Ô tiếp tục điều tra xác minh làm rõ, khi có đủ cơ sở xử lý theo quy định pháp luật.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Nguyễn Văn U phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn U 06 (sáu) tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung công quỹ nhà nước: Tiền Việt Nam 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô;
- Chi cục THADS Q. Ô;
- Công an Q. Ô;
- Sở Tư pháp TP. Cần Thơ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
Đã ký**

**Lê Thị Thúy Hằng**